

**TÒA ÁN NHÂN DÂN
TỈNH TIỀN GIANG**

**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**

Bản án số: 656 /2023/DS-PT

Ngày: 26/12/2023

V/v tranh chấp “Hợp đồng mua bán tài sản”

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN TỈNH TIỀN GIANG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Thanh Nhân

Các Thẩm phán:

Ông Huỳnh Văn Ngoan

Bà Nguyễn Thị Diệp Thúy

- Thư ký phiên tòa: Ông Võ Tấn Dũ, Thư ký Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tham gia phiên tòa:
Ông Dương Thanh Quang - Kiểm sát viên.

Ngày 26 tháng 12 năm 2023, tại trụ sở Tòa án nhân dân tỉnh Tiền Giang xét xử phúc thẩm công khai vụ án thụ lý số: 420/2023/TLPT-DS ngày 08 tháng 11 năm 2023 về tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản”.

Do Bản án dân sự sơ thẩm số: 234/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện C, tỉnh Tiền Giang bị kháng cáo.

Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử phúc thẩm số: 926/2023/QĐ-PT ngày 15 tháng 11 năm 2023 giữa các đương sự:

1. **Nguyên đơn:** Bà Nguyễn Thị P, sinh năm 1982.

Địa chỉ: Ấp B, xã B, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

Người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn: Bà Tạ Kim T, sinh năm 1963 (có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường C, khu phố A, phường D, thị xã C, Tiền Giang.

2. **Bị đơn:**

2.1 Bà Phạm Thị Mỹ H (Phạm Thị H), sinh năm 1970 (vắng mặt).

2.2 Ông Trương Công N, sinh năm 1968 (vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp A, xã A, huyện C, tỉnh Tiền Giang.

- Người kháng cáo: Bị đơn ông Trương Công N.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

**** Theo đơn khởi kiện và lời khai trong quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn và người đại diện theo ủy quyền của nguyên đơn trình bày:***

Ngày 07/9/2022, chị P có thỏa thuận hợp đồng bán gạo cho vợ chồng ông Trương Công N, bà Phạm Thị Mỹ H chủ vựa gạo “Hoa Nghĩa”, số gạo cụ thể như sau:

Gạo ST 25: 772 bao x 50kg/bao = 38.600kg x 18.000 đồng/kg = 694.800.000 đồng;

Tầm to: 395 bao x 50kg/bao = 19.750kg x 8.650 đồng/kg = 170.837.000đồng;

Tổng cộng là 865.637.000 đồng.

Bà H có viết biên nhận và hẹn 05 ngày sau là ngày 12/9/2022 trả đủ tiền. Đến ngày hẹn chị P đòi tiền thì bà H ghi tiếp vào biên nhận hẹn 15 ngày nữa sẽ trả nhưng đến nay không trả. Do đó, chị P yêu cầu ông N và bà H trả tiền mua gạo và tâm còn nợ là 865.637.000 đồng, trả một lần sau khi án có hiệu lực pháp luật.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Phạm Thị Mỹ H trình bày:***

Trước đây vợ chồng bà có mua bán gạo với chị P, bà thừa nhận còn nợ chị P số tiền 865.637.000 đồng, do làm ăn thua lỗ không còn khả năng trả nợ nên xin trả dần mỗi tháng 2.000.000 đồng, trả cho đến khi hết số nợ trên.

**** Theo lời khai trong quá trình giải quyết vụ án bị đơn Trương Công N trình bày:***

Vợ chồng ông có mở vựa gạo “ Hoa Nghĩa” để kinh doanh mua bán gạo, đến năm 2022 ông bị bệnh và phải nằm viện nên việc kinh doanh mua bán ông giao lại cho bà H, việc bà H mua bán gạo và còn nợ tiền chị P ông hoàn toàn không biết, nên không đồng ý liên đới trả số tiền bà H nợ 865.637.000 đồng theo yêu cầu của chị P.

Bản án sơ thẩm số 234/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang đã quyết định:

Căn cứ khoản 1 Điều 147, Điều 271 và 273 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ các điều 430, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự;

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Xử:

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Công N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 865.637.000đ (T1 trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Công N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

Ngoài ra bản án sơ thẩm còn tuyên về nghĩa vụ chịu án phí và quyền kháng cáo các đương sự.

Ngày 25/9/2023, ông Trương công N1 kháng cáo bản án dân sự sơ thẩm, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không buộc ông Trương Công N liên đới với bà H trả cho chị P số tiền 865.673.000đồng.

*** Tại phiên tòa phúc thẩm:**

- Nguyên đơn giữ nguyên yêu cầu khởi kiện, yêu cầu cấp phúc thẩm giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm.

- Bị đơn Trương Công N có đơn xin vắng mặt và giữ nguyên yêu cầu kháng cáo, yêu cầu Tòa án cấp phúc thẩm sửa một phần bản án dân sự sơ thẩm.

- Các đương sự không thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết vụ án.

* Đại diện Viện kiểm sát nhân dân tỉnh Tiền Giang tại phiên tòa phát biểu ý kiến:

- Về việc tuân theo pháp luật tố tụng trong quá trình giải quyết vụ án của Thẩm phán, Hội đồng xét xử, Thư ký phiên tòa và những người tham gia tố tụng kể từ khi thụ lý vụ án cho đến trước thời điểm Hội đồng xét xử nghị án đã tuân thủ đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng dân sự.

- Về nội dung vụ án, sau khi phân tích, đánh giá các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, ý kiến tranh luận tại phiên tòa (có bài phát biểu), Kiểm sát viên có ý kiến như sau: Bản án sơ thẩm xử chấp nhận yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn là có căn cứ, phù hợp quy định của pháp luật. Đề nghị Hội đồng xét xử không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Công N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đã được thẩm tra tại phiên tòa. Căn cứ vào kết quả tranh luận tại phiên tòa trên cơ sở xem xét đầy đủ, toàn diện tài liệu, chứng cứ, ý kiến của các đương sự, Kiểm sát viên.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

[1] Về tố tụng: Bị đơn Phạm Thị Mỹ H, ông Trương Công N đã được Tòa án triệu tập hợp lệ, có đơn đề nghị xét xử vắng mặt. Căn cứ vào khoản 3 Điều 296 của Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử quyết định xét xử vắng mặt các đương sự.

Đơn kháng cáo nộp trong thời hạn và hợp lệ, đúng với quy định tại Điều 271, 272, 273 của Bộ luật Tố tụng dân sự nên được xem xét giải quyết theo trình tự phúc thẩm.

[2] Về quan hệ pháp luật tranh chấp: Căn cứ vào yêu cầu khởi kiện của nguyên đơn và các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án, Tòa án cấp sơ thẩm xác định quan hệ tranh chấp: “Hợp đồng mua bán tài sản” là phù hợp quy định tại khoản 3 Điều 26 Bộ luật Tố tụng dân sự.

[3] Về nội dung: Xét yêu cầu kháng cáo của bị đơn Trương Công N, yêu cầu cấp phúc thẩm sửa bản án DSST, không buộc ông N liên đới với bà H trả cho chị P số tiền 865.673.000 đồng, Hội đồng xét xử nhận thấy:

Xét nguyên đơn và bị đơn đều thừa nhận: Ngày 07/9/2022, bà Phạm Thị Mỹ H có mua số lượng gạo, tấm của chị Nguyễn Thị P, tổng số tiền là 865.637.000 đồng, thời hạn 15 ngày sẽ trả số tiền trên (bà Phạm Thị Mỹ H viết hóa đơn của cơ sở “Hoa Nghĩa”, và ký tên “H” Phạm Thị H. Căn cứ Điều 92 Bộ luật tố tụng dân sự, xác định các tình tiết trên là có thật.

Xét hợp đồng mua bán gạo giữa chị Nguyễn Thị P và bà Phạm Thị Mỹ H đã phát sinh hiệu lực. Bên bán đã giao đủ số lượng gạo, tấm cho bên mua. Tuy nhiên, bên mua không thực hiện nghĩa vụ trả tiền là vi phạm Điều 434 Bộ luật dân sự.

Xét bà Phạm Thị Mỹ H thừa nhận số tiền mua gạo, tấm chưa thanh toán cho chị P là 865.637.000 đồng, nhưng do làm ăn thua lỗ không còn khả năng trả nợ. Nay bà đồng ý trả chị P số tiền này nhưng xin trả dần.

Xét ông Trương Công N thừa nhận vợ chồng ông có mở vừa mua bán gạo tên “ Hoa Nghĩa” để kinh doanh chung nhưng không có đăng ký kinh doanh. Xét thấy, ông N và bà H là vợ chồng đang chung sống với nhau, cả hai mở vừa để mua bán gạo kinh doanh chung, thời gian ông N bị bệnh thì bà H trực tiếp tham gia công việc mua bán, mục đích cũng để phát triển kinh tế gia đình, hơn nữa việc bà H mua gạo và tấm của chị P cũng để bán lại kiếm lời, lợi nhuận cũng để phục vụ nhu cầu thiết yếu của vợ chồng. Thời điểm thực hiện giao dịch mua bán với chị P, vợ chồng ông N, bà H không có thỏa thuận nào khác về chế độ tài sản riêng của vợ chồng. Do vậy, căn cứ Điều 25 Luật hôn nhân gia đình, xác định bà H là người đại diện hợp pháp cho ông N để thực hiện giao dịch kinh doanh.

Do đó, Hội đồng xét xử sơ thẩm xử buộc ông N và bà H liên đới trả số tiền 865.637.000 đồng cho chị P là có căn cứ, phù hợp quy định pháp luật.

Xét ông N cho rằng năm 2022, ông bị bệnh nặng phải nằm viện nên việc kinh doanh mua bán bà H trực tiếp thực hiện; việc bà H mua bán gạo và còn nợ tiền chị P ông không có tham gia, nên không đồng ý liên đới với bà H trả nợ theo yêu cầu của chị P là không phù hợp nhận định nêu trên. Ông N kháng cáo nhưng không cung cấp được tài liệu, chứng cứ để chứng minh yêu cầu của mình là có căn cứ.

Từ những phân tích trên, HĐXX không chấp nhận yêu cầu kháng cáo của ông Trương Công N. Giữ nguyên bản án sơ thẩm của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè.

[4] Ý kiến của đại diện Viện kiểm sát phù hợp với nhận định nêu trên nên Hội đồng xét xử chấp nhận.

[5] Về án phí: Do kháng cáo của ông Trương Công N không được Hội đồng xét xử chấp nhận nên ông N phải chịu án phí DSPT theo quy định pháp luật. Tuy nhiên ông Nghĩa là con liệt sĩ nên được miễn án phí dân sự phúc thẩm.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ Điều 26, Điều 148, Điều 296, khoản 1 Điều 308 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Xử: Không chấp nhận kháng cáo của ông Trương Công N. Giữ nguyên bản án dân sự sơ thẩm số 234/2023/DS-ST ngày 21 tháng 9 năm 2023 của Tòa án nhân dân huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Căn cứ các điều 430, 433, 434 và 440 của Bộ luật dân sự; Điều 25, Điều 27 Luật hôn nhân và gia đình.

Căn cứ điểm đ khoản 1 Điều 12, khoản 2 Điều 26 Nghị Quyết số 326/2016/UBTVQH14, ngày 30/12/2016 quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

1. Chấp nhận yêu cầu khởi kiện của chị Nguyễn Thị P.

Buộc bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Công N có nghĩa vụ trả cho chị Nguyễn Thị P số tiền 865.637.000đ (T1 trăm sáu mươi lăm triệu, sáu trăm ba mươi bảy nghìn đồng), trả một lần khi án có hiệu lực pháp luật.

Kể từ ngày chị Nguyễn Thị P có đơn yêu cầu thi hành án, nếu bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Công N chậm thực hiện nghĩa vụ thì hàng tháng còn phải chịu thêm khoản lãi tính theo mức lãi suất do pháp luật quy định tại khoản 2 Điều 468 của Bộ luật dân sự tương ứng với số tiền và thời gian chậm thi hành án.

2. Án phí: Miễn toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm cho bà Phạm Thị Mỹ H và ông Trương Công N.

Miễn án phí dân sự phúc thẩm cho ông Trương Công N.

H1 lại cho chị Nguyễn Thị P số tiền 18.984.000đ (Mười tám triệu, chín trăm tám mươi bốn nghìn đồng) theo biên lai thu tạm ứng án phí lệ phí Tòa án số 0010195 ngày 05 tháng 10 năm 2022 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Cái Bè, tỉnh Tiền Giang.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- VKSND tỉnh Tiền Giang;
- TAND huyện C;
- Chi cục THADS huyện C;
- Các đương sự;
- Cổng thông tin điện tử;
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Thanh Nhân